

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 77/2024/DS-PT
Ngày 18/9/2024

“Về việc kiện đòi tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Võ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, về việc *“Tranh chấp lối đi chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐ-PT ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H1, địa chỉ liên hệ: H H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Đào Hoàng P – Luật sư Công ty L7 – Chi nhánh B2, địa chỉ liên hệ: 80 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Thùy L1, sinh năm 1992, chị Lê Thị Hà L2, sinh năm 1994, chị Lê Thị Ly L3, sinh năm 1996 và chị Lê Phạm Khánh V, sinh năm 2006.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Hà L2, chị Lê Thị Ly L3 và chị Lê Phạm Khánh V: Ông Lê Văn L, cùng địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của ông Trần Thanh H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Năm 2008 ông Trần Thanh H được bố mẹ tặng cho ông các thửa đất số 94, 100, 101, 106, tờ bản đồ 13, đất tọa lạc tại thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông có nguồn gốc do bố mẹ khai hoang vào khoảng năm 1995. Năm 2009 ông H được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với các thửa đất này.

Ông cho rằng con đường đi có từ trước khi bố mẹ ông H khai hoang. Sau đó, đến khoảng năm 2006-2007 ông L mới về sử dụng đất. Con đường này bắt đầu từ đường đất, đường dân sinh, trên thực tế có đường nhưng chạy qua thửa đất số 122 được cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, con đường hình thành từ trước năm 1995. Đến khoảng tháng 12/2009 gia đình ông L, bà H2 được cấp GCNQSDĐ thì cấp luôn cả con đường đi chung, nhưng con đường phía sau nối tiếp vào rẫy ông H thì trên tờ bản đồ vẫn thể hiện con đường đi chung tiếp giáp thửa đất số 113 của ông L (quá trình bồi đắp hiện nay là bờ ao) và vào thửa đất số 100 của ông H.

Con đường đi chung do gia đình ông H sử dụng ổn định từ năm 1995 đến tháng 3 năm 2022, sau đó xảy ra tranh chấp từ tháng 3/2022 đến nay, gia đình ông L ngăn cản không cho ông H đi lại trên con đường đi chung để vào rẫy. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích con đường đi chung gồm 2 phần: Phần được thể hiện trên bản đồ có chiều rộng 2m x dài 115m, ngoài ra còn phần đường chưa được thể hiện trên bản đồ có chiều rộng 2m, dài 40m (phần này đã nằm trong thửa 122 giấy CNQSDĐ của ông L).

Đồng thời yêu cầu gia đình ông L bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình ông H gồm thiệt hại 02 cây xà cừ và tiền công dựng lại trụ điện và 30.5m dây điện ba pha bị hư hỏng số tiền là 6.000.000 đồng + 300.000 đồng kẹp điện + 500.000 đồng tiền trụ bê tông + 400.000 đồng tiền công. Tổng số tiền gia đình ông H phải bồi thường là 7.200.000 đồng.

Bị đơn Lê Văn L trình bày: Đất gia đình ông L đang sử dụng có nguồn gốc do bố mẹ ông khai phá từ năm 1985, bao gồm các thửa đất số 113 và 122 như hiện nay. Đến cuối năm 1995 gia đình ông L múc (ủi) 03 cái ao, vì cạnh ao có dòng suối cạn nên tận dụng nguồn nước chảy vào để nuôi thủy sản, chiều dài bờ ao từ điểm tiếp giáp đất của ông H đến tiếp giáp thửa đất số 122 của ông L. Năm 1995, thì ông H từ ngoài B mới vào khai hoang thửa đất tiếp giáp với đất của ông L. Quá trình sử dụng đất thì gia đình ông Lịch sử ổn định, không có tranh chấp với ai. Đến năm 2022 thì xảy ra tranh chấp với ông H.

Ông H cho rằng con đường đi chung này có từ năm 1995 là không đúng vì đây không phải đường đi mà là bờ ao do gia đình ông múc để nuôi cá, một thời gian sau ông H có rẫy phía sau có đi nhờ qua bờ ao của ông để vào rẫy vì ông L nghĩ tình làng nghĩa xóm và cũng không ngăn cản chứ đây không phải là con đường đi chung, theo bản đồ nghiệm thu năm 2021 của UBND huyện C cũng không thể hiện con đường trên tờ bản đồ. Đây không phải đường đi mà là bờ ao do gia đình ông múc ao đắp lên từ năm 1995 không biết khi đo đạc năm 2008 cơ quan chuyên môn lại đo luôn bờ ao của ông L (thửa 113) thành đường giao thông. Sau khi đo đạc lại và nghiệm thu theo bản đồ đo đạc năm 2021 cũng không thể hiện con đường đi chung mà trên hiện trạng sử dụng thì đây là bờ ao do gia đình ông H tự ý đi nhờ. Nay nguyên đơn đòi đường đi chung gia đình ông L không đồng ý. Còn ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại 7.200.000 đồng không có cơ sở vì ông không có hủy hoại tài sản trên của ông H vì hiện nay ông H vẫn sử dụng các dây điện, trụ điện không có, cây xà cừ nằm trên đất của ông L theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên con đường đi chung do ông H xác định không có tài sản gì.

Những người làm chứng bà Nguyễn Thị L4, ông Nguyễn Văn H3, ông Giang Xuân H4, ông Trần Văn H5, bà Nguyễn Thị N, bà Vũ Thị N1, ông Nguyễn Tuấn T, ông Lý Văn M trình bày: Con đường tranh chấp có từ trước được ông H sử dụng ổn định để đi vào rẫy. Con đường này bắt đầu từ đường đất đường liên thôn chạy vào tận rẫy nhà ông H.

Người làm chứng bà Vũ Thị K và ông Trần Xuân V1 (là mẹ ruột, bố ruột của ông Trần Thanh H) trình bày: Ông V1, bà K thống nhất với lời khai của nguyên đơn, không đồng ý quan điểm phía bị đơn cho rằng không có đường đi. Con đường này hình thành trước năm 1995, gia đình ông bà vẫn sử dụng con đường này để vào rẫy canh tác. Quá trình sử dụng đường bị đơn không có ý kiến gì, mãi đến năm 2022 ông L mới tranh chấp không cho đi. Ông bà yêu cầu ông L trả lại đường đi cho ông H.

Những người làm chứng ông Lưu Quang C, ông Lưu Thế B1, ông Vi Mạnh H6, ông Lê Văn Đ, ông Lý Văn N2, ông Trương Văn C1, bà Ngụ Thị T1, ông Hoàng Trung T2, ông Lê Văn L5, bà Trần Thị Kim L6 trình bày: Con đường đi tranh chấp là bờ ao do ông L múc tiếp giáp với đất ruộng bà Vi Thị H7, ông Lưu Quang C mà ông H đi nhờ qua bờ ao ông L để vào rẫy không có đường đi chung vào rẫy như lời khai của ông H.

Người làm chứng bà Vi Thị H7 trình bày: Bà là hàng xóm ở cạnh rẫy của ông H, bà giữ nguyên lời khai trước đây. Bà khẳng định không có đường đi chung. Tại đơn xác nhận con đường đi đề ngày 17/6/2022 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký xác nhận của bà Vi Thị H7, do bà H7 không đọc nội dung đơn, nguyên đơn đưa thì bà ký tên.

Người làm chứng ông Vi Mạnh H6 trình bày: Ông là hàng xóm của bị đơn và nguyên đơn, ông vào ở tại khu vực xã T hơn 10 năm, ông thấy có 01 con đường mòn nhỏ trên bờ ao. Ông không thấy có đường đi chung. Tại đơn xác nhận con đường đi đề ngày 17/6/2022 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký xác nhận của ông Vi Mạnh H6, do không đọc nội dung đơn, ông H đưa ký thì ông ký tên.

Người làm chứng ông Huỳnh Q: Ông là địa chính xã T từ năm 2001 đến năm 2014 và phó chủ tịch UBND xã T từ năm 2019 đến năm 2023. Trong thời gian ông V1 làm địa chính tại xã T từ năm 2001 đến năm 2014 ông là người quản lý địa bàn nên nắm rõ được hiện trạng đất khu vực hiện nay đang tranh chấp giữa ông H và ông L. Nguồn gốc đất của ông L là người sử dụng trước đất của ông H đang sử dụng. Thửa đất số 113 mà ông L đang sử dụng do ông L múc bờ ao để nuôi trồng thủy sản từ trước năm 2000 (ông không nhớ cụ thể năm nào), bờ ao này chạy dọc thửa 113 phía bắc giáp thửa 100 của ông H, phía nam tiếp giáp thửa 122 của ông L (giáp đường dân sinh) đây không phải là đường đi. Không biết khi đo đạc năm 2008 nghiệm thu năm 2010 trên tờ bản đồ lại thể hiện đường đi, nhưng thực tế là bờ ao của ông L. Đường đi phải có điểm đầu nối, điểm đầu điểm cuối nhưng ở đây đường này không có điểm đầu điểm cuối và điểm đầu nối với đường dân sinh và tiếp giáp thửa 122 của ông L để ra đường chính cũng không có đường. Đến năm 2021 khi đo đạc hiện trạng thực tế thì trên tờ bản đồ cũng không thể hiện con đường đi chung.

Tại bản án số: 15/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H đối với yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Thùy L1, chị Lê Thị Hà L2, chị Lê Thị Ly L3 và chị Lê Phạm Khánh V2 lại diện tích phần đường đi chung thể hiện trên tờ bản đồ số 13 có chiều rộng 02m x chiều dài 115 m, phần đường đi chưa thể hiện trên tờ bản đồ số 13 có chiều rộng 02 m x chiều dài 40 m điểm đầu từ ngoài đường liên thôn đi qua thửa 122, 113 đến thửa đất 100 của ông Lê Văn L. Con đường đi tranh chấp theo kết quả đo đạc do nguyên đơn ông Trần Thanh H xác định có tổng diện tích 651,2m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H đối với yêu cầu buộc gia đình ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Thùy L1, chị Lê Thị Hà L2, chị Lê Thị Ly L3 và chị Lê Phạm Khánh V3 thường tổng số tiền 7.200.000 đồng gồm thiệt hại 02 cây xà cừ và tiền công dựng lại trụ điện và 30.5m dây điện ba pha bị hư hỏng số tiền 6.000.000 đồng, kẹp điện 300.000 đồng; tiền trụ bê tông 500.000 đồng, tiền công 400.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường 7.200.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại bên nguyên đơn đã rút so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/6/2024 ông Trần Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và có yêu cầu thay đổi một phần nội dung kháng cáo theo hướng đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông cho rằng: Lối đi chung không nhất thiết phải là đường giao thông thể hiện trên bản đồ giải thửa. Hơn nữa lối đi đã được thể hiện một phần trên GCNQSDĐ và nguyên đơn đã sử dụng để đi lại từ năm 1996 và con đường có thể hiện trên bản đồ số 13, đo đạc năm 2008, giải thửa và nghiệm thu năm 2010. Việc nguyên đơn đi lại trên lối đi này phù hợp với thực tế của khu vực nông thôn dùng lối đi lại này để vào rẫy phía trong phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc năm 2021, cơ quan đo đạc đã xóa mất con đường đi chung thể hiện trên bản đồ trước đó là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án có sự nhầm lẫn trong việc đánh giá chứng cứ. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đường đi chung có chiều rộng 2m và dài 115m đã thể hiện trên tờ bản đồ giải thửa số 13. Đối với phần diện tích đường đi có chiều rộng 02m x chiều dài 40m điểm đầu từ ngoài đường liên thôn đi qua thửa 122 thì đề nghị xác định đúng vị trí tứ cận con đường để đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh H nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích phần đường đi chung thể hiện trên tờ bản đồ số 13, đo đạc năm 2008 có chiều rộng 02m x chiều dài 115m và phần đất chưa thể hiện trên tờ bản đồ số 13 có chiều rộng 02m x chiều dài 40 m điểm đầu từ ngoài đường liên thôn đi qua thửa 122, 113 của ông L đến thửa đất 100 của ông H. Theo nguyên đơn thì lối đi này được hình thành từ trước năm 1995, ông vẫn sử dụng để đi lại và xác định đây là lối đi chung và không có thay đổi vị trí.

[2.2]. Bị đơn ông Lê Văn L thì cho rằng ông là chủ sử dụng các thửa đất số 113 và 122, tờ bản đồ 13. Nguồn gốc đất do bố mẹ ông L khai hoang từ năm 1985. Con đường mà ông H cho rằng là đường đi qua thửa 113 của ông L là bờ ao do ông Lịch ủ để làm bờ kè, đắp đất thành bờ ao không phải là đường đi chung, đây là lối mòn do ông H tự ý đi nhờ qua bờ ao của ông L để vào rẫy của ông H chứ thực tế không có lối đi chung.

[2.3]. Theo tài liệu, chứng cứ, lời khai của các bên đương sự đều thống nhất về nguồn gốc sử dụng đất, quá trình sử dụng đất và con đường làm lối đi này tồn tại từ năm 1995. Và đều thừa nhận thửa đất số 100 của nguyên đơn giáp với thửa 113 của bị đơn có con đường và con đường này thể hiện trên bản đồ giải thửa số 13, đo đạc năm 2008 có diện tích 137m².

[2.4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết quả đo đạc hiện trạng lòng ghép với tờ bản đồ giải thửa số 13 (đo đạc 2008), GCNQSDĐ thì thấy con đường giao thông thể hiện trong bản đồ giải thửa, GCNQSDĐ có vị trí lệch so với hiện trạng sử dụng các bên chỉ ranh giới. Cụ thể tại thửa số 05 (của sơ đồ đo đạc) có một phần chồng lấn lên thửa số 110, tờ bản đồ số 13. Nếu căn cứ xác định con đường này thể hiện trên bản đồ số 13 thì trong trường hợp nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về hành vi lấn chiếm con đường đi chung (thể hiện là DGT trên bản đồ) nhưng theo kết quả đo đạc, lòng ghép nêu trên thì vị trí con đường hiện hữu không nằm trên con đường theo Tờ bản đồ số 13. Do vậy, đối với con đường này để xác định đây là con đường đi chung thì phải xác định mở lối đi qua bất động sản liền kề nhưng con đường hiện hữu nằm sai vị trí đối với bản đồ giải thửa số 13, có sự chồng lấn một phần lên thửa đất bên cạnh (thửa số 110) thì sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đang sử dụng thửa đất này.

[2.5]. Bản chất của vụ án này là nguyên đơn bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề mà chỉ yêu cầu trả lại phần diện tích con đường đi đã thể hiện trên bản đồ giải thửa số 13. Trong trường hợp này cần dành quyền khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định của Bộ luật dân sự. Trong trường hợp giải quyết, xác định con đường thể hiện trong tờ bản đồ số 13 đi qua thửa số 113 là lối đi chung và bị đơn đang lấn chiếm thì buộc bị đơn phải mở lối đi và không phải thanh toán giá trị, đối với con đường đi qua thửa đất số 122 không phải là lối đi chung nhưng buộc mở lối đi thì nguyên đơn phải thanh toán giá trị cho bị đơn. Đồng thời, trong trường hợp con đường này nằm tại vị trí thửa đất của người khác thì cũng phải đánh giá, xác định cho chính xác và xem xét mở lối đi thuận tiện nhất, hợp lý nhất và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.6]. Từ những nhận định nêu trên thấy rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần nhận định mục [5] của bản án sơ thẩm cho rằng bản đồ đo đạc năm 2021 thể hiện không có lối đi chung cho nên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có sự đánh giá chứng cứ chưa chính xác nên tại cấp phúc thẩm cần xem xét, đánh giá lại cho phù hợp.

[3]. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền yêu cầu 7.200.000 đồng, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không chứng minh được hành vi hủy hoại của ông L. Ngoài ra, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên phần con đường đang tranh chấp (nằm dọc mép bờ ao của ông L chỉ có đường dây điện ba pha dài 30,5m hiện nay ông H vẫn đang sử dụng ngoài ra không có tài sản gì khác. Nên việc cấp sơ thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 7.800.000đ và việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu đã rút đúng pháp luật.

[5]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc hủy một phần bản án sơ thẩm. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có một số thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không cần theiets phải hủy bản án. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tại phiên tòa đối với nội dung tranh chấp lối đi chung là không phù hợp nên không chấp nhận, chấp nhận quan điểm đề nghị đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

[6]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thanh H phải chịu 5.777.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản. Ông Trần Thanh H đã nộp toàn bộ số tiền trên.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 360.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch do yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền ông H đã nộp tạm.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 254, Điều 584 và Điều 589 của BLDS 2015 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H đối với yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Thùy L1, chị Lê Thị Hà L2, chị Lê Thị Ly L3 và chị Lê Phạm Khánh V trả lại diện tích phần đường đi chung thể hiện trên tờ bản đồ số 13 có chiều rộng 02m x chiều dài 115 m, phần đường đi chưa thể hiện trên tờ bản đồ số 13 có chiều rộng 02 m x chiều dài 40 m điểm đầu từ ngoài đường liên thôn đi qua thửa 122, 113 đến thửa đất 100 của ông Lê Văn L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H đối với yêu cầu buộc gia đình ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bích H2, chị Lê Thị Thùy L1, chị Lê Thị Hà L2, chị Lê Thị Ly L3 và chị Lê Phạm Khánh V bồi thường tổng số tiền 7.200.000 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại bên nguyên đơn đã rút so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thanh H phải nộp 5.777.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản. Ông Trần Thanh H đã nộp tạm ứng số toàn bộ số tiền trên.

5. Về án phí:

5.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Trần Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 360.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng án phí dân sự ông H phải nộp là 660.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền ông H đã nộp tạm ứng 675.000 đồng theo biên lai số 0000009 ngày 07/09/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Hoàn trả cho ông H số tiền còn lại là 15.000 đồng.

5.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Buộc ông Trần Thanh H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005123 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng

